

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
1	Tên Quyết định: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, cấp vốn điều lệ, tổ chức hoạt động và cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ	Tên Quyết định - Điều 41a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15 quy định: “Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (SDNL TK&HQ) theo hướng xã hội hoá, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước (NSNN) và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh (SX, KD) cho doanh nghiệp, cơ sở SX, KD” - Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật SDNL TK&HQ: “Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế tài chính, vốn điều lệ đối với Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ” - Để bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo, mâu thuẫn giữa nhiều văn bản và thuận tiện cho việc tra cứu, áp dụng, Bộ Công Thương đề xuất hợp nhất toàn bộ nội dung về thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính và vốn điều lệ của Quỹ vào một Quyết định duy nhất của TTCP và lấy tên là “Quyết định của Thủ

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		tướng Chính phủ về việc thành lập, cấp vốn điều lệ, tổ chức hoạt động và cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ”
2	- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 77/2025/QH15; - Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 số 89/2025/QH15; - Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; - Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, ngày 18 tháng 01 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 ngày 27 tháng 06 năm 2025. - Căn cứ Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;	Căn cứ pháp lý Các căn cứ được dựa trên nội dung, thẩm quyền giao cho Thủ tướng Chính phủ quy định thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ tại Luật số 77/2025/QH15 và Nghị định số 30/2026/NĐ-CP. - Bổ sung Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 và Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. Theo quy định, Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo quy định tại Luật NSNN, vốn điều lệ quy định tại Luật Đầu tư công. - Bổ sung Luật các TCTD (2024). Lý do: trong dự thảo “Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, cấp vốn điều lệ và tổ chức hoạt động của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ”, Bộ Công Thương lựa chọn hai (2) TCTD gồm NHTM và TCTD phi ngân hàng làm đối tượng nhận ủy thác một số hoạt động của Quỹ như cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật ... theo quy định của Luật các TCTD (2024). Về cơ bản các Bộ đều thống nhất việc Bộ Công Thương nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, cấp vốn điều lệ, tổ chức hoạt động và cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 70-NQ/TW1; quy định tại Điều 41a Luật SDNL TK&HQ số 77/2025/QH15, quy định tại điều 41 Luật SDNL TK&HQ số 50/2010/QH12 và Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật SDNL TK&HQ,

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Điều 2 Quyết định của TTCP 1. Ngân sách nhà nước cấp 500 (năm trăm) tỷ đồng vốn điều lệ cho Quỹ. Nguồn để cấp vốn điều lệ cho Quỹ được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công trong 03 năm (2027-2029) theo quy định hiện hành; đến năm 2029 cấp đủ 500 (năm trăm) tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ của Quỹ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Công Thương sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.	Vốn điều lệ - Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 + Điểm 23 Điều 4 quy định: “Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với NSNN, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.”. + Điểm 10 Điều 8 quy định: NSNN không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được NSNN hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của NSNN và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước. - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. + Điều 40 quy định trình tự thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn khi bố trí vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. + Điều 41 quy định trình tự thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm về việc bố trí vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ được thành lập theo quy định tại Luật số 77/2025/QH15 và tại điểm 4 Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật SDNL TK&HQ có giao : “Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế tài chính, vốn điều lệ đối với Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ”. Vì vậy trong dự thảo quyết định của TTCP, Bộ

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		Công thương đề nghị cấp 500 tỷ đồng vốn điều lệ ban đầu để Quỹ đi vào hoạt động. 1) Căn cứ để xác định nhu cầu vốn điều lệ ban đầu: Theo thông lệ quốc tế về thiết kế các quỹ tài chính xúc tác cho lĩnh vực năng lượng - khí hậu (World Bank, Climate Investment Funds, Convergence Blended Finance), vốn điều lệ nhà nước không nhằm tài trợ toàn bộ nhu cầu thị trường mà đóng vai trò "vốn môi" để kích hoạt dòng vốn thương mại đi kèm. - Công thức xác định VDL ban đầu: $V\text{DL ban đầu} = \text{Tổng nhu cầu vốn giai đoạn đầu (5 năm)} \times \text{Tỷ lệ vốn môi } (\alpha)$ Trong đó α (tỷ lệ vốn môi/tổng nhu cầu thị trường) theo thông lệ các quỹ TKNL/quỹ xanh giai đoạn khởi động thường ở mức 1,5% – 5%. - Tổng nhu cầu đầu tư TKNL của 5 ngành trọng điểm (xi măng, thép, giấy, hóa chất, đồ uống) = 1.412 triệu USD $\approx$ 29.000 tỷ đồng. - 500 tỷ đồng / 29.000 tỷ đồng $\approx$ 1,7% tổng nhu cầu — nằm đúng trong dải chuẩn quốc tế (1,5% – 5%). Như vậy, vốn điều lệ ban đầu được đề xuất với mức 500 tỷ đồng là hợp lý về mặt định lượng, với điều kiện đi kèm hệ số đòn bẩy tài chính kỳ vọng khoảng 6 – 10 lần (nhờ cơ chế Bảo lãnh rủi ro một phần - PRG và Tài chính kết hợp - Blended Finance), giúp mỗi thêm khoảng 3.000 – 5.000 tỷ đồng vốn tư nhân/tín dụng. Với 500 tỷ đồng vốn điều lệ được coi là vốn môi của Nhà nước, Quỹ dự kiến huy động thêm nguồn vốn tư nhân/tín dụng trong và ngoài nước, qua đó Quỹ sẽ giúp nền kinh tế tiết kiệm chi phí năng lượng so với chi phí cơ hội của 500 tỷ đồng vốn đầu tư công theo ước tính như sau (hiệu ứng đòn bẩy). Báo cáo đã có một dữ kiện quan trọng

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		để lượng hóa đòn bẩy: đó là khoản vay 200 triệu USD (tương đương khoảng 4.900 - 5.000 tỷ đồng) mà WB đề xuất ủy thác qua các NHTMCP - riêng khoản này đã gấp khoảng 10 lần VDL 500 tỷ đồng. - Ước tính giá trị tiết kiệm chi phí năng lượng quy đổi ra tiền cho nền kinh tế: Sử dụng chính đơn vị đo lường đã có trong Báo cáo (ví dụ ngành thép: đầu tư 9.230 tỷ đồng -> tiết kiệm 177 ktoe/năm -> giá trị quy đổi 3.240 tỷ đồng/năm), tỷ lệ tiết kiệm/vốn đầu tư của riêng ngành thép là khoảng 35%/năm (thời gian hoàn vốn ~2,9 năm). Đối chiếu với số liệu đánh giá ETP 2022 cho toàn nền kinh tế (4,36 tỷ USD đầu tư -> 361 triệu USD tiết kiệm/năm trong chu kỳ 12 năm), tỷ lệ bình quân toàn nền kinh tế chỉ khoảng 8,3%/năm. Do danh mục dự án của Quỹ sẽ ưu tiên các dự án công nghiệp có IRR hấp dẫn, kiến nghị sử dụng giả định thận trọng, hợp lý là tỷ lệ tiết kiệm/vốn bình quân 15% - 20%/năm cho danh mục dự án của Quỹ. Áp dụng tỷ lệ này vào tổng vốn Quỹ điều phối. Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mức vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 500 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 của Bộ Công Thương. Sau khi được thành lập HĐQL Quỹ sẽ xây dựng lộ trình cấp vốn; đánh giá cụ thể quy mô hoạt động, nhu cầu vốn, khả năng huy động nguồn lực ngoài NSNN, phương án tự chủ tài chính, hiệu quả sử dụng vốn và tác động đến cân đối NSNN trong từng năm và cả giai đoạn tùy theo tình hình thực tế. Dự kiến: - Năm 2027: NSNN cấp 100 tỷ đồng; - Năm 2028: NSNN cấp 200 tỷ đồng; - Năm 2029: NSNN cấp 200 tỷ đồng;

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Điều 2 Quyết định của TTCP 3. Kinh phí chi quản lý cho hoạt động của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ: trong 05 năm đầu kể từ ngày Quỹ chính thức đi vào hoạt động, ngoài kinh phí ngân sách nhà nước bố trí trong chi thường xuyên của Bộ Công Thương, Quỹ được sử dụng nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế có mục tiêu hỗ trợ thành lập, xây dựng năng lực và vận hành Quỹ để chi hỗ trợ chi phí vận hành và chi phí nhân sự chuyên trách, theo thỏa thuận với nhà tài trợ.	Do những năm đầu mới đi vào hoạt động, Quỹ chưa có nguồn thu để trang trải các chi phí phát sinh, nên chi phí vận hành bộ máy quản lý, điều hành Quỹ (Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Cơ quan điều hành) Bộ Công Thương đề nghị TTCP phê duyệt để NSNN bảo đảm trong 05 năm đầu kể từ ngày Quỹ đi vào hoạt động; Ngoài ra, Quỹ được sử dụng nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế có mục tiêu hỗ trợ thành lập, xây dựng năng lực và vận hành Quỹ để chi hỗ trợ chi phí vận hành và chi phí nhân sự chuyên trách, theo thỏa thuận với nhà tài trợ. Từ năm thứ sáu, Quỹ tự bảo đảm chi phí nhân sự chuyên trách và chi phí vận hành hành chính từ nguồn thu hoạt động (ngân sách nhà nước tiếp tục bảo đảm phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm).
	Điều 3. Quyết định của TTCP Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; trong đó bao gồm trách nhiệm của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan quy định tại Chương V Quy định này.	Trong dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, cấp vốn điều lệ, tổ chức hoạt động và cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ, Bộ Công Thương đề nghị TTCP quyết định một số việc quan trọng cần thể hiện rõ trong quyết định của TTCP: i) QĐ thành lập Quỹ; ii) Cấp 500 tỷ VNĐ; iii) NSNN và nguồn tài trợ đảm bảo KP cho Quỹ hoạt động trong 5 năm đầu; iv) Ban hành kèm theo QĐ “Quy định về việc tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ”. Các nội dung còn lại như tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính sẽ nêu trong “Quy định về việc tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ” ban hành kèm theo QĐ.
3	Điều 2. Phạm vi điều chỉnh (Quy định kèm theo Quyết định TTCP) Quyết định này quy định việc thành lập, về tổ chức và hoạt động của Quỹ Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sau đây gọi tắt là Quỹ), bao gồm: vị trí và chức năng, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn, bộ máy quản lý điều hành, nguồn vốn hoạt động và	Phạm vi điều chỉnh - Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật SDNL TK&HQ: “Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế tài chính, vốn

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan đối với tổ chức và hoạt động của Quỹ	điều lệ đối với Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ”. Phạm vi điều chỉnh được quy định tại Điều 2 như sau: 2. Quyết định này áp dụng đối với: a) Quỹ; Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ; b) Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có liên quan đến tổ chức, hoạt động và quản lý tài chính của Quỹ; c) Các tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng phi ngân hàng là tổ chức tín dụng tham gia của Quỹ; tổ chức, cá nhân ủy thác vốn cho Quỹ; tổ chức, cá nhân tài trợ, viện trợ, đóng góp cho Quỹ; tổ chức chuyên môn, đơn vị thực hiện nhiệm vụ do Quỹ giao hoặc tài trợ; và tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của Quỹ.
4	Điều 4. Tên gọi, vị trí và tư cách pháp nhân 1. Tên gọi đầy đủ: Quỹ Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tên giao dịch tiếng Anh: Vietnam National Energy Efficiency Fund, viết tắt là VNEEF. 2. Quỹ là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trực thuộc Bộ Công Thương; hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, con dấu và bảng cân đối kế toán riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. 3. Trụ sở chính của Quỹ đặt tại Thành phố Hà Nội.	Vị trí và tư cách pháp nhân Căn cứ quy định của Điều 41a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SDNL TK&HQ số 77/2025/QH15: “Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận”. Trong thực tiễn, Quỹ tài chính nhà nước có thể hoạt động theo mô hình DNNN, hoặc mô hình ĐVSNCL hoặc theo mô hình Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ sẽ hoạt động theo mô hình Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Bộ Công Thương là cơ quan chủ quản của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ. Quỹ có tổ chức bộ máy gồm: HĐQT, BKS và Cơ quan điều hành.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ được hoạt động huy động vốn, cho vay, tài trợ, hỗ trợ, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác để thực hiện chức năng thúc đẩy hoạt động SDNL TK&HQ trên địa bàn cả nước”; và căn cứ quy định tại Luật NSNN về hoạt động của Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.
	Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động 1. Phục vụ mục tiêu chính sách công về thúc đẩy SDNL TK&HQ, không đặt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ. 2. Bổ trợ, không thay thế thị trường tài chính; không cạnh tranh với các tổ chức tín dụng; không trùng lặp về nguồn thu, nhiệm vụ chi với ngân sách nhà nước. 3. Sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, hiệu quả, minh bạch; chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về hoạt động tài chính của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật. 4. Tổ chức tinh gọn; toàn bộ nhiệm vụ nghiệp vụ của Quỹ được thực hiện thông qua cơ chế ủy thác cho một số tổ chức nhận ủy thác; Cơ quan quản lý Quỹ tổ chức theo chế độ kiêm nhiệm, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách, sử dụng bộ máy hiện có của Bộ Công Thương, trừ Kế toán trưởng hoạt động chuyên trách; không làm tăng biên chế hành chính, sự nghiệp. 5. Bảo đảm phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm giữa cơ quan chủ quản, cơ quan quản trị, cơ quan kiểm soát, cơ quan điều hành và tổ chức nhận ủy thác; hoạt động công khai, minh bạch, bình đẳng, bảo đảm trách nhiệm giải trình và kiểm soát rủi ro.	Nguyên tắc tổ chức và hoạt động - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SDNL TK&HQ số 77/2025/QH15. “Điều 41a. Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Bộ Công Thương xác định Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ là tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Cơ quan điều hành, do Thủ tướng Chính phủ quy định. Đây là mô hình đang được áp dụng khá phổ biến đối với các quỹ tài chính lớn của Nhà nước như: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam; Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, Quỹ Phát triển DNNVV và Quỹ Phát triển KH&CN QG. Mô hình này có ưu điểm: giữ đúng bản chất của quỹ tài chính nhà nước; có tính tự chủ cao; cho phép xây dựng cơ chế nhân sự và tiền lương đặc thù để thu hút chuyên gia mà vẫn bảo đảm quản lý, giám sát chặt chẽ đối với vốn nhà nước. - Bộ Công Thương là cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp của Quỹ; Bộ Tài chính là cơ quan quản lý nhà nước về Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Bộ trưởng Bộ Công Thương có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định về việc thành lập, cấp vốn điều lệ, tổ chức hoạt động và cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	6. Được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với thu nhập từ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận của Quỹ theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (được bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 141/2026/NĐ-CP) và quy định của pháp luật về NSNN.	- Trong quyết định quy định các nguyên tắc quản lý tài chính, nguồn hình thành vốn, nguồn thu, cơ chế chi tiêu và nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán, tài; chính và các quy định pháp luật có liên quan.. - Do Quỹ không phải là doanh nghiệp hay đơn vị sự nghiệp công lập hay NHTM nên hoạt động không cạnh tranh với các tổ chức tín dụng; không trùng lặp về nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN
5	Điều 7. Nhiệm vụ của Quỹ 1. Huy động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn từ các nguồn: ngân sách nhà nước, tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động tiết kiệm năng lượng trên phạm vi toàn quốc. 2. Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với các dự án sản xuất sản phẩm, vật liệu tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh, vật liệu xây dựng thân thiện môi trường; đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, dự án đầu tư vào các cơ sở tiết kiệm năng lượng, sản xuất, lắp đặt phương tiện máy móc, thiết bị hoặc vật liệu xanh, vật liệu xây dựng thân thiện môi trường tiết kiệm năng lượng, các dự án nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng hoặc tối ưu hóa hệ thống sản xuất công nghiệp hoặc giảm phát thải khí nhà kính thông qua chuyển đổi nhiên liệu; đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng; phát triển công trình xanh; ứng dụng các hệ thống sử dụng năng lượng tái tạo, hệ thống lưu trữ năng lượng trong công trình. 3. Hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các dự án nêu tại khoản 2 Điều này đã vay vốn từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.	Nhiệm vụ của Quỹ - Điều 41a, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SDNL TK&HQ số 77/2025/QH15, có quy định: <i>“2. Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ được hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác để thực hiện chức năng thúc đẩy hoạt động SDNL TK&HQ trên địa bàn cả nước.</i> <i>3. Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ có mục tiêu hỗ trợ, tài trợ cho dự án, nhiệm vụ, hoạt động thúc đẩy SDNL TK&HQ với cơ chế linh hoạt theo yêu cầu của nhà tài trợ và quy định của pháp luật hiện hành.”</i> - Điều 41. Luật SDNL TK&HQ số 50/2010/QH12 có quy định ưu đãi đối với hoạt động SDNL TK&HQ: <i>1. Dự án thúc đẩy SDNL TK&HQ được xem xét, hỗ trợ kinh phí từ chương trình quốc gia về SDNL TK&HQ.</i> <i>2. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm TKNL; đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ TKNL được ưu đãi, hỗ trợ như sau:</i>

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	4. Cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật thông qua các tổ chức dịch vụ năng lượng (ESCO), hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực chuyên gia... hỗ trợ doanh nghiệp giảm cường độ năng lượng trong sản xuất, kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu; hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang các công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; đầu tư và chuyển đổi sang các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính theo danh mục quy định tại khoản 4 Điều 36 Quyết định này. 5. Hỗ trợ chuyển đổi thị trường và quản lý hiệu suất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng theo quy định của pháp luật hiện hành; hỗ trợ hoạt động kỹ thuật bao gồm: kiểm toán năng lượng, nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, chuyên gia tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng. 6. Đầu tư theo mục tiêu chính sách quy định tại Quyết định này. 7. Toàn bộ các nhiệm vụ nêu từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này được ủy thác từng phần hoặc toàn phần qua một hoặc một số tổ chức tín dụng tham gia được lựa chọn theo tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 36 Quyết định này. 8. Trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt và ban hành danh mục các dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tiêu chí lựa chọn tổ chức tín dụng tham gia và một số quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ. 9. Trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định các nội dung và hình thức hỗ trợ phát sinh trong quá trình hoạt động chưa được quy định cụ thể tại Quyết định này. 10. Thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương giao.	<i>c) Được vay vốn ưu đãi từ NHPTVN (VDB), Quỹ hỗ trợ phát triển KH&CN, Quỹ đổi mới CNQG, Quỹ BVMTVN và được hỗ trợ từ CTQG phát triển công nghệ cao, CTQG về SDNL TK&HQ;</i> <i>d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</i> - Căn cứ những quy định của 2 Luật trên, Bộ Công Thương thiết kế 06 nhiệm vụ của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ. - Bộ Công Thương đã tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng để hoàn thiện 6 nhiệm vụ: - Tại mục 1. Bổ sung từ: Huy động theo quy định của tại mục 2, Điều 41a, Luật số 77/2025/QH15; - Tại mục 2. Bổ sung từ: vật liệu xanh, vật liệu xây dựng thân thiện môi trường; phát triển công trình xanh; ứng dụng các hệ thống sử dụng năng lượng tái tạo, hệ thống lưu trữ năng lượng trong công trình; (ý kiến tham gia của Bộ Xây dựng) - Bổ sung mục 7. Đầu tư theo mục tiêu chính sách quy định tại Quyết định này; (ý kiến tham gia của Bộ Tài chính) - Chuyển mục 7 thành mục 8: Toàn bộ các nhiệm vụ nêu từ mục 1 đến mục 7 Điều 9 có thể được ủy thác từng phần hoặc toàn phần qua các TCTD được lựa chọn theo tiêu chí do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành. + Việc Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ ủy thác thực hiện các nhiệm vụ qua các TCTD sẽ tiết kiệm được biên chế hành chính, sự nghiệp; tiết kiệm chi phí hoạt động của Quỹ; đồng thời sử dụng có hiệu quả bộ máy sẵn có của TCTD có tính chuyên nghiệp cao, vừa thúc đẩy hoạt động hợp tác công-tư.+ Việc ủy thác còn nhằm tăng cường khả năng thu hút nguồn tài trợ ODA của các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Liên minh Châu Âu, v.v. , huy động nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân, huy động thêm các

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		nguồn tài chính ngoài NSNN để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội; tạo thêm công cụ để thực hiện tốt hơn vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước, khắc phục những khiếm khuyết của kinh tế thị trường.
6	Điều 8. Quyền hạn của Quỹ 1. Tổ chức Cơ quan điều hành và các đơn vị nghiệp vụ hoạt động phù hợp với Quyết định này và mục tiêu, nhiệm vụ được giao. 2. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các tổ chức nhận ủy thác trong việc sử dụng nguồn vốn của Quỹ và triển khai các hoạt động, nhiệm vụ, dự án SDNL TK&HQ. Quỹ có quyền rút vốn, đình chỉ hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kỹ thuật đối với các chủ đầu tư/dự án vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước; khởi kiện các chủ đầu tư vi phạm theo quy định của pháp luật. 3. Sử dụng vốn nhàn rỗi của Quỹ để gửi tại các NHTM nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ nhưng phải bảo đảm an toàn. 4. Thực hiện và tiếp nhận các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tăng cường năng lực cho Quỹ. 5. Trình Bộ trưởng Bộ Công Thương để trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này. 6. Trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành: danh mục các dự án SDNL TK&HQ, tiêu chí lựa chọn tổ chức nhận ủy thác, cơ chế ủy thác, sổ tay vận hành của Quỹ; quy trình, thủ tục, thẩm quyền lựa chọn tổ chức nhận ủy thác và các quy chế nội bộ khác. 7. Giám sát, kiểm tra hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ trong việc thực hiện quy định của Nhà nước, quy định tại Quyết định này, cơ chế ủy thác, Sổ tay vận hành, việc lựa chọn tổ chức	Quyền hạn của Quỹ - Do Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật SDNL TK&HQ không quy định mô hình tổ chức và hoạt động của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ. Vì vậy, Bộ Công Thương lựa chọn mô hình Quỹ đầu tư phát triển địa phương (ĐTPTĐP) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18./12/2020 của Chính phủ để đề xuất mô hình tổ chức và hoạt động của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ. - Căn cứ vào Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ ĐTPTĐP được quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP nêu trên, Bộ Công Thương vận dụng để đề xuất quyền hạn của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ. - Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hoàn thiện các dự thảo theo hướng: việc thanh tra, kiểm tra các tổ chức nhận bảo lãnh sẽ được Hội đồng quản lý Quỹ phối hợp với NHNN thực hiện theo các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng 2024; Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thông tư số 17/2023/TT-NHNN, quy định về kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	nhận ủy thác, các quy chế nội bộ khác và các Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ. 8. Chỉ đạo bộ máy điều hành huy động, tiếp nhận nguồn vốn từ NSNN, từ các đối tác phát triển...; tiếp nhận các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; phối hợp với các bên liên quan để xây dựng hệ sinh thái của Quỹ. 9. Từ chối yêu cầu của tổ chức hoặc cá nhân về việc cung cấp các thông tin của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và những quy định tại Quyết định này. 10. Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ theo quy định của pháp luật.	
7	Điều 9. Cơ cấu tổ chức Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và Cơ quan điều hành Quỹ. Điều 10. Hội đồng quản lý (HĐQL) Quỹ 1. HĐQL Quỹ gồm: Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và một số Ủy viên. a) Chủ tịch HĐQL Quỹ là Thứ trưởng Bộ Công Thương hoặc Lãnh đạo Cục Năng lượng - Dầu khí, Bộ Công Thương; b) Phó Chủ tịch thứ nhất chịu trách nhiệm về tài chính (huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác quản lý tài chính...), là Lãnh đạo của Vụ, Cục, Bộ Công Thương; c) Phó Chủ tịch thứ hai chịu trách nhiệm về kỹ thuật (tiết kiệm năng lượng...), là Lãnh đạo của Vụ, Cục, Bộ Công Thương;	Cơ cấu tổ chức - Do Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật SDNL TK&HQ không quy định mô hình tổ chức và hoạt động của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ. Vì vậy, Bộ Công Thương lựa chọn mô hình Quỹ đầu tư phát triển địa phương (ĐTPTĐP) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. được quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18./12/2020 của Chính phủ đề xuất mô hình tổ chức và hoạt động của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ. - Căn cứ vào các quy định về trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ; về Hội đồng quản lý của Quỹ; về Ban Kiểm soát Quỹ; về Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc; và tổ chức điều hành hoạt động Quỹ ĐTPTĐP được quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP nêu trên, Bộ Công Thương đã vận dụng để thiết kế Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ gồm có HĐQL, BKS và Cơ quan điều hành.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	d) Các Ủy viên là lãnh đạo cấp Vụ, Cục của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công Thương. 2. Căn cứ đề nghị của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định danh sách các thành viên HĐQT Quỹ. 3. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ 1. Định hướng chiến lược, phê duyệt quy hoạch hoạt động 05 năm và hằng năm; chương trình, dự án, ngân sách hoạt động của Quỹ. 2. Ban hành các quy chế hoạt động (cơ chế ủy thác; Sổ tay vận hành; danh mục dự án, sản phẩm tiết kiệm năng lượng; tiêu chí, quy trình, thủ tục, thẩm quyền lựa chọn tổ chức nhận ủy thác và các quy chế nội bộ khác) trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành theo thẩm quyền. 3. Phê duyệt hạn mức, điều kiện cho vay, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ kỹ thuật và phân cấp thẩm quyền quyết định cho Giám đốc Quỹ theo quy định tại Điều 41 Quyết định này. 4. Hằng năm quy định cơ chế ưu đãi, phạm vi ưu đãi, mức lãi suất ưu đãi, hỗ trợ các sản phẩm, dự án tiết kiệm năng lượng. 5. Thông qua kế hoạch tài chính hằng năm trình Bộ Công Thương phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Quyết định này; ban hành khung quản trị rủi ro của Quỹ theo quy định tại Điều 45 Quyết định này; giám sát việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc bảo toàn vốn của Quỹ.	- Mô hình Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ có điểm khác so với mô hình Quỹ ĐPTĐP là các Ủy viên HĐQT, BKS Quỹ sẽ được lựa chọn từ các cán bộ có kinh nghiệm về công tác quản lý năng lượng và quản lý KT-TC đang công tác tại Bộ Công Thương đề tham gia HĐQT, BKS. Những cán bộ này làm việc kiêm nhiệm và không làm tăng biên chế hành chính, sự nghiệp hiện có. - Do Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ là quỹ quốc gia, Hội đồng quản lý Quỹ cần có lãnh đạo cấp Vụ, Cục của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công Thương - tương tự cơ chế đã áp dụng đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (Điều 6 Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg) - nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng quản lý. Vì vậy, Bộ Công Thương đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cử cán bộ lãnh đạo cấp Vụ, Cục tham gia Hội đồng quản lý Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ;

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	6. Chỉ đạo Cơ quan điều hành huy động, tiếp nhận nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, từ các đối tác phát triển; phối hợp các bên liên quan xây dựng hệ sinh thái của Quỹ. 7. Giám sát việc thực hiện và tuân thủ pháp luật của Quỹ và các tổ chức nhận ủy thác. 8. Phê duyệt báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động của Quỹ. 9. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương về hiệu quả hoạt động của Quỹ theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu. Điều 12. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ 1. Chủ tịch HĐQT Quỹ chịu trách nhiệm chung, điều hành toàn bộ hoạt động và đại diện HĐQT Quỹ trước Bộ trưởng Bộ Công Thương. 2. Các Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch phụ trách lĩnh vực được phân công quy định tại khoản 1 Điều 12 Quyết định này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch về lĩnh vực được phân công. 3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên HĐQT Quỹ do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định. Điều 13. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ 1. HĐQT Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp định kỳ ba tháng một lần và họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch hoặc của trên 1/2 tổng số thành viên. 2. Cuộc họp HĐQT Quỹ được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự; trường hợp không tổ chức họp được, HĐQT Quỹ có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. 3. Nghị quyết, quyết định của HĐQT Quỹ được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu	

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	ngang nhau, quyết định cuối cùng theo ý kiến của Chủ tịch hoặc người được Chủ tịch ủy quyền chủ trì cuộc họp. 4. HĐQT Quỹ bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch và tuân thủ pháp luật trong toàn bộ quá trình làm việc. Điều 14. Ban Kiểm soát Quỹ 1. Ban Kiểm soát gồm Trưởng Ban Kiểm soát và một số thành viên, số lượng không quá 05 người. 2. Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên do Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. 3. Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng phụ cấp theo quy định của pháp luật. Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát 1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Chủ tịch HĐQT Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định. 2. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật, quyết định và nghị quyết của HĐQT Quỹ trong tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ, quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ. 3. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật về công tác tài chính, kế toán, kiểm toán, cơ chế quản lý tài chính, các giới hạn an toàn và khung quản trị rủi ro của Quỹ; kiểm soát việc kê khai và xử lý xung đột lợi ích theo quy định tại Điều 50 Quyết định này; thẩm định báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ theo quy định. 4. Báo cáo HĐQT Quỹ và Bộ trưởng Bộ Công Thương kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính định kỳ (quý, năm) và đột xuất, kể cả khi phát hiện vi phạm.	

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Điều 16. Cơ quan điều hành Quỹ 1. Cơ quan điều hành Quỹ gồm: Giám đốc, từ 01 đến 02 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và một số phòng, ban nghiệp vụ (Phòng Kế hoạch - Nguồn vốn, Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Quản lý rủi ro...). 2. Cơ quan điều hành và các bộ phận nghiệp vụ của Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định. Cán bộ làm việc theo chế độ chuyên trách được hưởng lương, cán bộ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp theo quy định của pháp luật. Riêng Kế toán trưởng làm việc theo chế độ chuyên trách. Điều 17. Giám đốc Quỹ 1. Giám đốc là đại diện pháp nhân của Quỹ, do Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch HĐQT Quỹ. 2. Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn: a) Tổ chức, điều hành chung hoạt động của Quỹ theo quy định tại Quyết định này và quyết định, nghị quyết của HĐQT Quỹ; b) Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính; tham mưu, trực tiếp quản lý việc huy động, quản lý, sử dụng vốn, lập kế hoạch và quản lý dòng tiền, kiểm soát tài chính của Quỹ; c) Ký kết, quản lý hợp đồng ủy thác, hợp đồng nhận ủy thác, hợp đồng tiền gửi và hợp đồng dịch vụ trong phạm vi được phân cấp; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu tài chính, kế toán của Quỹ; d) Quyết định việc cho vay, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ kỹ thuật đối với từng dự án cụ thể trong phạm vi hạn mức, điều kiện được HĐQT Quỹ phân	Cơ quan điều hành Quỹ Cơ quan điều hành của Quỹ gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban nghiệp vụ là các cán bộ, nhân viên của Bộ Công Thương làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định, lựa chọn và sử dụng từ số biên chế hiện có của Bộ Công Thương (trừ Kế toán trưởng hoạt động chuyên trách); không làm tăng biên chế hành chính, sự nghiệp.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	cấp theo quy định tại Điều 41 Quyết định này; trường hợp vượt hạn mức, trình HĐQT Quỹ xem xét, quyết định; đ) Đề xuất chiến lược, giải pháp tăng nguồn thu, mở rộng hoạt động và nâng cao hiệu quả cho vay, hỗ trợ của Quỹ; e) Tổ chức, phối hợp, đánh giá hoạt động của bộ máy nhân sự Quỹ; g) Báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình hoạt động, tài chính, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ với HĐQT Quỹ và cơ quan quản lý. Điều 18. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban nghiệp vụ 1. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị, Chủ tịch HĐQT Quỹ xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm. 2. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban nghiệp vụ Quỹ do Giám đốc Quỹ quy định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch HĐQT Quỹ.	
8	Điều 20. Nguồn vốn hoạt động và phạm vi sử dụng theo nguồn 1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP, gồm: vốn chủ sở hữu, trong đó có vốn điều lệ quy định tại Điều 2 Quyết định này; vốn huy động; vốn nhận ủy thác. 2. Phạm vi sử dụng và chủ thể chịu rủi ro theo từng nguồn vốn được xác định như sau: a) Vốn điều lệ được sử dụng để cho vay bán buôn theo quy định tại Điều 26 và gửi vốn nhàn rỗi theo quy định tại Điều 31 Quyết định này;	Nguồn vốn hoạt động và phạm vi sử dụng theo nguồn - Vốn điều lệ được sử dụng để cho vay bán buôn qua các NHTM. - Vốn điều lệ chi thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất, tài trợ, đồng tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ chuyển đổi thị trường và đầu tư theo mục tiêu chính sách theo quy định tại Luật SDNL TK&HQ số 50/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật SDNL TK&HQ số 77/2025/QH15. Vì vậy Bộ Công Thương đề nghị TTCP cho phép sử dụng tối đa 10% vốn điều lệ được cấp để chi thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất, tài trợ, đồng tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ chuyển đổi thị trường và đầu tư theo mục tiêu chính sách.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	được sử dụng tối đa 10% cho các nghiệp vụ hỗ trợ và đầu tư theo quy định tại Điều 21 Quyết định này; b) Vốn hình thành từ tài trợ, viện trợ, đóng góp không có ràng buộc mục tiêu và vốn bổ sung từ kết quả hoạt động được sử dụng cho các nghiệp vụ quy định tại khoản 1 Điều 25 Quyết định này; tổn thất (nếu có) của phần vốn này do Quỹ gánh chịu; c) Nguồn vốn có ràng buộc mục tiêu được sử dụng theo thỏa thuận với bên cung cấp vốn; chủ thể chịu rủi ro xác định theo thỏa thuận đó; d) Vốn huy động chỉ được sử dụng để cho vay bán buôn theo quy định tại Điều 23 Quyết định này; đ) Vốn nhận ủy thác được sử dụng theo hợp đồng nhận ủy thác; Quỹ chỉ chịu rủi ro khi hợp đồng nhận ủy thác quy định rõ và xác định nguồn bù đắp tổn thất. 3. Quỹ không được sử dụng bất kỳ nguồn vốn nào khác cho nghiệp vụ ngoài phạm vi quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Vốn điều lệ đã được cấp là vốn chủ sở hữu của Quỹ, được theo dõi trên bảng cân đối kế toán của Quỹ. Phần vốn điều lệ chưa sử dụng cho các nghiệp vụ được gửi có kỳ hạn theo quy định tại Điều 31, bảo đảm phù hợp với kế hoạch dòng tiền quy định tại khoản 3 Điều 24 Quyết định này.	
	Điều 22. Tiếp nhận tài trợ, viện trợ và vốn nhận ủy thác 1. Quỹ được vận động, tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ không hoàn lại, đóng góp tự nguyện, tặng cho hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	Tiếp nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện - Việc tiếp nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện: do chính sách quản lý vay nợ và nhận viện trợ nước ngoài đã thay đổi (NĐ số 313/2025/NĐ-CP thay thế NĐ số 80/2020/NĐ-CP quy định việc quản lý tài chính đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu NSNN thực hiện theo Luật NSNN số 89/2025/QH15) nên khi thiết kế chính sách cho Quỹ, dự thảo QĐ của TTCP ghi:

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	2. Quỹ trực tiếp tiếp nhận các khoản viện trợ không hoàn lại của nước ngoài dành cho Quỹ theo quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức và văn kiện viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khoản viện trợ được ghi nhận trực tiếp vào nguồn vốn của Quỹ, không hạch toán qua ngân sách nhà nước. 3. Việc tiếp nhận nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài và pháp luật về quản lý nợ công. 4. Trước khi tiếp nhận khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp có ràng buộc mục tiêu hoặc nhận ủy thác, Quỹ đánh giá và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ về: mức độ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ; khả năng thực hiện các điều kiện kèm theo; chi phí quản lý phát sinh và nguồn bù đắp chi phí đó; giới hạn nghĩa vụ và rủi ro của Quỹ. Quỹ không tiếp nhận trong trường hợp điều kiện kèm theo vượt quá năng lực thực hiện, không xác định được nguồn bù đắp chi phí quản lý hoặc làm phát sinh nghĩa vụ, rủi ro không giới hạn đối với Quỹ. 5. Khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không có ràng buộc mục tiêu được bổ sung vào vốn chủ sở hữu của Quỹ. Khoản có ràng buộc mục tiêu được quản lý, hạch toán theo từng chương trình, dự án và xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quyết định này. 6. Hợp đồng nhận ủy thác phải quy định rõ mục đích, đối tượng, điều kiện sử dụng vốn, cơ chế phân định rủi ro, phí nhận ủy thác, chế độ báo cáo và việc xử lý vốn gốc thu hồi, lãi phát sinh, số dư khi kết thúc hợp đồng. Vốn nhận ủy thác được theo dõi riêng, không tính vào vốn chủ sở hữu của Quỹ. Phí nhận ủy thác được xác định trên nguyên tắc bù đắp	2. Quỹ trực tiếp tiếp nhận các khoản viện trợ không hoàn lại của nước ngoài theo quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức và văn kiện viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khoản viện trợ được ghi nhận trực tiếp vào nguồn vốn của Quỹ, không hạch toán qua NSNN. 3. Việc tiếp nhận nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài và pháp luật về quản lý nợ công.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	đủ chi phí quản lý. Trường hợp Quỹ chịu một phần rủi ro, hợp đồng phải xác định rõ mức rủi ro tối đa và nguồn bù đắp tổn thất. 7. Quỹ ban hành quy trình nội bộ về tiếp nhận tài trợ, viện trợ, đóng góp và nhận ủy thác, bảo đảm kiểm soát các điều kiện ràng buộc, nghĩa vụ báo cáo với nhà tài trợ, bên ủy thác và tuân thủ pháp luật về phòng, chống rửa tiền.	
	Điều 23. Vốn huy động 1. Quỹ được huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng hoàn trả của Quỹ. Quỹ tự chịu trách nhiệm hoàn trả vốn huy động; việc huy động vốn của Quỹ không được Chính phủ bảo lãnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 2. Hình thức huy động vốn gồm: vay của tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; vay của tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật về vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh; vay lại nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công, trong trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép; vay của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác; các hình thức huy động vốn khác từ tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. 3. Điều kiện huy động vốn: khoản huy động nằm trong kế hoạch tài chính năm được phê duyệt hoặc được cấp có thẩm quyền chấp thuận; có phương án huy động và trả nợ khả thi, kỳ hạn của khoản huy động phù hợp với kỳ hạn của khoản cho vay bán buôn dự kiến sử dụng nguồn vốn đó; chi phí huy động bảo đảm để lãi suất cho vay bán buôn bù đắp được chi phí huy động và chi phí nghiệp vụ.	

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	4. Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt phương án huy động vốn trong nước. Đối với huy động vốn nước ngoài, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Bộ Công Thương xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật. 5. Tổng dư nợ vốn huy động của Quỹ tại mọi thời điểm không vượt quá 03 lần vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ, sau khi loại trừ nguồn vốn có ràng buộc mục tiêu. Hội đồng quản lý Quỹ xác định hạn mức huy động cụ thể trong từng thời kỳ trên cơ sở đánh giá dòng tiền, cơ cấu kỳ hạn, chi phí vốn và khả năng chịu rủi ro của Quỹ. 6. Vốn huy động chỉ được sử dụng để cho vay bán buôn theo quy định tại Điều 26 Quyết định này. Thời hạn và kỳ hạn trả nợ của khoản cho vay bán buôn từ nguồn vốn huy động phải phù hợp với khoản huy động tương ứng, bảo đảm Quỹ thu hồi vốn từ tổ chức tín dụng tham gia trước hoặc đúng thời điểm đến hạn trả nợ. Quỹ theo dõi riêng nghĩa vụ trả nợ đối với từng khoản huy động và đưa vào kế hoạch dòng tiền quy định tại khoản 3 Điều 24 Quyết định này.	Vốn huy động 5. Tổng dư nợ vốn huy động của Quỹ tại mọi thời điểm không vượt quá 03 (ba) lần vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ được đề xuất với lý do như sau: - Đây là mức đòn bẩy thận trọng so với thông lệ của các định chế tài chính: hệ số an toàn vốn tối thiểu 8% áp dụng đối với TCTD tương ứng mức đòn bẩy trên tài sản có rủi ro cao hơn nhiều lần. Với Quỹ, hệ số 3 lần nghĩa là vốn chủ sở hữu bảo đảm tối thiểu 25% tổng nguồn vốn, đủ dư địa hấp thụ tổn thất ở kịch bản danh mục suy giảm chất lượng. Đây là giới hạn trần mang tính pháp lý Hội đồng quản lý Quỹ phải xác định hạn mức huy động cụ thể trong từng thời kỳ trên cơ sở đánh giá dòng tiền, cơ cấu kỳ hạn, chi phí vốn và khả năng chịu rủi ro thực tế, trong giới hạn trần nêu trên.
	Điều 26. Cho vay bán buôn đối với tổ chức tín dụng tham gia 1. Quỹ cho tổ chức tín dụng tham gia vay vốn để cho vay lại các dự án thuộc nhiệm vụ của Quỹ và thuộc danh mục dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt. Điều kiện vay lại: dự án có hồ sơ đầy đủ theo quy định; chủ đầu tư đáp ứng điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng và quy định của tổ chức tín dụng tham gia; dự án được xác nhận kỹ thuật đáp ứng tiêu chí về tiết kiệm năng lượng do Bộ Công Thương quy định. 2. Hợp đồng cho vay bán buôn phải quy định rõ: hạn mức, thời hạn và lịch hoàn trả; lãi suất cho vay bán buôn; mức trần lãi suất cho vay lại và mức chênh lệch tối đa; đối tượng, điều kiện cho vay lại; nghĩa vụ	Theo Điều 3, điểm 12 có giải thích: 12. "Cho vay bán buôn" là phương thức Quỹ cho TCTD tham gia vay vốn để cho vay lại khách hàng thuộc đối tượng quy định tại Quyết định này; TCTD tham gia tự thẩm định, quyết định cho vay lại, chịu rủi ro tín dụng đối với khách hàng và có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi cho Quỹ. Lãi suất cho vay bán buôn là lãi suất Quỹ áp dụng đối với TCTD tham gia.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	hoàn trả gốc, lãi của tổ chức tín dụng tham gia; biện pháp bảo đảm (nếu có); chế độ báo cáo, đối chiếu số liệu; quyền kiểm tra của Quỹ; các trường hợp thu hồi vốn trước hạn và chấm dứt hợp đồng. 3. Lãi suất: a) Lãi suất cho vay bán buôn do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định và công bố hằng năm, bảo đảm bù đắp chi phí huy động vốn (nếu có) và chi phí nghiệp vụ của Quỹ; b) Lãi suất cho vay ưu đãi của tổ chức tín dụng tham gia đối với khách hàng không vượt quá lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước áp dụng trong cùng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước; c) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức chênh lệch tối đa giữa lãi suất cho vay lại và lãi suất cho vay bán buôn, bảo đảm bù đắp chi phí quản lý, chi phí rủi ro của tổ chức tín dụng tham gia và phần lớn mức ưu đãi được chuyển tới khách hàng. 4. Tổ chức tín dụng tham gia tự thẩm định, quyết định cho vay lại và chịu toàn bộ rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay khách hàng từ nguồn vốn của Quỹ; có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi vay bán buôn cho Quỹ, không phụ thuộc vào kết quả thu hồi nợ từ khách hàng; trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay lại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Quỹ xác định đối tượng, điều kiện, mức trần lãi suất, hạn mức và kiểm tra việc tuân thủ; không chịu rủi ro tín dụng đối với khách hàng. 5. Giới hạn an toàn: a) Mức cho vay lại từ nguồn vốn của Quỹ đối với một dự án không vượt quá 70% (bảy mươi phần trăm) tổng mức đầu tư của dự án;	3. Lãi suất: b) Lãi suất cho vay ưu đãi của TCTD tham gia đối với khách hàng không vượt quá lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước áp dụng trong cùng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước; Lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được áp dụng theo Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 78/2020/NĐ-CP ngày 17/11/2023 Tổ chức tín dụng tham gia tự thẩm định, quyết định cho vay lại và chịu toàn bộ rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay khách hàng từ nguồn vốn của Quỹ; có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi vay bán buôn cho Quỹ, không phụ thuộc vào kết quả thu hồi nợ từ khách hàng; trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay lại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	b) Tổng dư nợ cho vay lại từ nguồn vốn của Quỹ đối với một khách hàng và người có liên quan không vượt quá 10% (mười phần trăm) vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ; c) Tổng dư nợ cho vay bán buôn và nghĩa vụ đã cam kết không vượt quá tổng nguồn vốn được phép sử dụng cho nghiệp vụ theo kế hoạch tài chính được phê duyệt; d) Tổng dư nợ cho vay bán buôn đối với một tổ chức tín dụng tham gia không vượt quá 40% (bốn mươi phần trăm) tổng dư nợ cho vay bán buôn của Quỹ; giới hạn này áp dụng kể từ khi Quỹ có từ 03 (ba) tổ chức tín dụng tham gia trở lên. 6. Thời hạn cho vay lại được xác định phù hợp với chu kỳ hoàn vốn từ tiết kiệm chi phí năng lượng của dự án, tối đa 10 (mười) năm; thời gian ân hạn tối đa 02 (hai) năm. Thời hạn cho vay bán buôn phù hợp với thời hạn cho vay lại; đối với khoản cho vay bán buôn từ vốn huy động, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Quyết định này. 7. Trường hợp đặc biệt cần vượt các giới hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 và khoản 6 Điều này, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định. Không áp dụng ngoại lệ đối với giới hạn quy định tại điểm c và điểm d khoản 5 Điều này. 8. Quỹ kiểm tra định kỳ và đột xuất việc sử dụng vốn vay bán buôn; đình chỉ giải ngân, thu hồi vốn trước hạn khi tổ chức tín dụng tham gia sử dụng vốn sai mục đích, vi phạm hợp đồng, không còn đáp ứng tiêu chí an toàn hoặc bị đặt vào kiểm soát đặc biệt.	
	Điều 27. Hỗ trợ lãi suất vay vốn 1. Đối tượng hỗ trợ lãi suất là các dự án thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều 26 Quyết định này đã vay vốn của tổ chức tín dụng và được xác nhận kỹ thuật đáp ứng tiêu chí về tiết kiệm năng lượng, có kết	

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	quả tiết kiệm năng lượng được kiểm chứng thông qua kiểm toán năng lượng hoặc hệ thống đo đếm, xác nhận. 2. Không hời tó việc hỗ trợ lãi suất. Quỹ chỉ hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay có hợp đồng tín dụng được ký kết kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và đối với số lãi phát sinh kể từ ngày Quỹ có quyết định hỗ trợ; không hỗ trợ đối với khoản vay ký kết trước thời điểm đó và số lãi đã phát sinh trước ngày Quỹ quyết định hỗ trợ. 3. Nguồn chi hỗ trợ lãi suất được bảo đảm từ nguồn 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 và các nguồn quy định tại khoản 6 Điều 21 Quyết định này. Không sử dụng vốn huy động cho nghiệp vụ hỗ trợ lãi suất. 4. Mức hỗ trợ lãi suất là 02%/năm (hai phần trăm) tính trên dư nợ vay thực tế được giải ngân cho hạng mục đầu tư tiết kiệm năng lượng; thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm và tổng mức hỗ trợ không vượt quá 30% tổng số lãi vay phải trả của khoản vay được hỗ trợ. 5. Trước khi quyết định hỗ trợ, Quỹ phải xác định tổng nghĩa vụ hỗ trợ của toàn bộ thời gian hỗ trợ và bảo đảm tổng nghĩa vụ đã cam kết không vượt quá hạn mức nghĩa vụ cam kết nhiều năm được phê duyệt. Nghĩa vụ đã cam kết được theo dõi riêng và đưa vào kế hoạch dòng tiền. Một dự án không được đồng thời vay lại từ nguồn vốn của Quỹ và nhận hỗ trợ lãi suất của Quỹ đối với cùng một hạng mục đầu tư. 6. Trình tự xác nhận và chi trả: a) Tổ chức tín dụng cho vay xác nhận số lãi thực trả của khách hàng và dư nợ vay được hỗ trợ (xác nhận tài chính); Quỹ hoặc tổ chức chuyên môn do Quỹ chỉ định thực hiện xác nhận kỹ thuật;	Hỗ trợ lãi suất vay vốn Về mức 02%/năm: Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ NSNN đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã áp dụng mức hỗ trợ 2%/năm tính trên số dư nợ vay và thời hạn cho vay được hỗ trợ, thực hiện thông qua hệ thống NHTM. Đây là mức đã được thực tiễn kiểm nghiệm, phù hợp để kế thừa. Về thời gian tối đa 03 năm và mức trần 30% tổng lãi vay: là các tham số kiểm soát chi phí, bảo đảm hỗ trợ có tính chất khuyến khích, không thay thế trách nhiệm trả lãi của chủ đầu tư, và phù hợp với chu kỳ đầu tư của phần lớn dự án tiết kiệm năng lượng. Các tham số này chưa có tiền lệ trực tiếp nên được đề xuất ở mức thận trọng để lấy ý kiến. Nguồn chi hỗ trợ lãi suất được bảo đảm từ nguồn 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 và các nguồn quy định tại khoản 6 Điều 21 Quyết định này. Không sử dụng vốn huy động cho nghiệp vụ hỗ trợ lãi suất.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	b) Trên cơ sở xác nhận tài chính và xác nhận kỹ thuật, Quỹ trực tiếp chi trả kinh phí hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ hoặc ủy thác cho tổ chức tín dụng tham gia chi trả; c) Trường hợp ủy thác, hợp đồng ủy thác phải quy định rõ phạm vi ủy thác, phí dịch vụ ủy thác trong khung do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, trình tự chi trả, chế độ báo cáo, đối chiếu số liệu, việc hoàn trả kinh phí chưa sử dụng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi của tổ chức tín dụng tham gia. 7. Quỹ đình chỉ chi trả và thu hồi kinh phí đã chi trong trường hợp đối tượng được hỗ trợ cung cấp thông tin không trung thực, sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc không duy trì kết quả tiết kiệm năng lượng theo cam kết.	
	Điều 28. Tài trợ, đồng tài trợ 1. Tài trợ, đồng tài trợ (sau đây gọi tắt là tài trợ) là việc Quỹ trực tiếp hỗ trợ một phần chi phí không hoàn lại cho tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tiết kiệm năng lượng thuộc nhiệm vụ của Quỹ, trên cơ sở hồ sơ đề nghị và cam kết của đối tượng thụ hưởng. 2. Nguồn kinh phí tài trợ được bảo đảm từ nguồn 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 và các nguồn quy định tại khoản 6 Điều 21 Quyết định này. Không sử dụng vốn huy động để tài trợ. 3. Chi phí hợp lệ được tài trợ gồm các khoản chi trực tiếp phục vụ hoạt động được tài trợ, phát sinh trong thời gian thực hiện, có đầy đủ chứng từ và không trùng với khoản đã được ngân sách nhà nước hoặc nguồn khác chi trả. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành danh mục chi phí hợp lệ và chi phí không được tài trợ.	Tài trợ, đồng tài trợ - Điều 41, Luật SDNL TK&HQ 50/2010/QH12 có quy định: Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng SDNL TK&HQ 1. Dự án thúc đẩy SDNL TK&HQ được xem xét, hỗ trợ kinh phí từ chương trình quốc gia về SDNL TK&HQ. 2. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm TKNL; đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ TKNL được ưu đãi, hỗ trợ như sau: c) Được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển, Quỹ hỗ trợ phát triển KH&CN, Quỹ đổi mới CNQG, Quỹ BVMT và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình quốc gia về SDNL TK&HQ; d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	4. Mức tài trợ đối với một hoạt động không vượt quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng chi phí hợp lệ của hoạt động đó; phần còn lại do đối tượng thụ hưởng và các nguồn đồng tài trợ khác bảo đảm. Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức trần tuyệt đối cho từng nhóm hoạt động. 5. Kinh phí tài trợ được giải ngân theo tiến độ thực hiện, trên cơ sở biên bản nghiệm thu khối lượng, kết quả đầu ra và chứng từ chi phí hợp lệ; phần kinh phí tương ứng tối thiểu 20% (hai mươi phần trăm) mức tài trợ chỉ được giải ngân sau khi nghiệm thu kết quả cuối cùng và có xác nhận kỹ thuật. 6. Quỹ đình chỉ giải ngân và thu hồi kinh phí đã tài trợ trong các trường hợp: đối tượng thụ hưởng sử dụng kinh phí sai mục đích; không bảo đảm phân đối ứng đã cam kết; không thực hiện hoặc thực hiện không đạt kết quả đầu ra đã cam kết; cung cấp thông tin không trung thực.	- Tại điểm 3, Điều 41a, Luật sửa đổi bổ sung Luật SDNL TK&HQ 77/2025/QH15 có quy định: “3. Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ có mục tiêu hỗ trợ, tài trợ cho dự án, nhiệm vụ, hoạt động thúc đẩy SDNL TK&HQ với cơ chế linh hoạt theo yêu cầu của nhà tài trợ và quy định của pháp luật hiện hành.”. Căn cứ 2 Luật nêu trên, Bộ Công Thương đề xuất các hoạt động: tài trợ, đồng tài trợ; hỗ trợ kỹ thuật; hỗ trợ chuyển đổi thị trường trong dự thảo Quyết định của TTCP Về việc thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế tài chính, vốn điều lệ đối với Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ. Khoản 4 quy định mức tài trợ đối với một hoạt động không vượt quá 30% tổng chi phí hợp lệ. Cơ sở áp dụng tỷ lệ trần 30% chỉ áp dụng cho nghiệp vụ tài trợ, đồng tài trợ tại Điều 28, là trường hợp Quỹ hỗ trợ một phần chi phí cho hoạt động do đối tượng thụ hưởng thực hiện và hưởng lợi trực tiếp; ở đó nguyên tắc đối ứng có ý nghĩa bảo đảm cam kết của bên thụ hưởng.
	Điều 29. Hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ chuyển đổi thị trường 1. Hỗ trợ kỹ thuật là việc Quỹ cung cấp hoặc hỗ trợ chi phí đối với các dịch vụ kỹ thuật phục vụ mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, gồm: kiểm toán năng lượng; tư vấn xây dựng, thẩm định dự án tiết	Hỗ trợ kỹ thuật - Hỗ trợ kỹ thuật theo phương thức Quỹ mua, thuê dịch vụ (điểm a khoản 1 Điều 29): căn cứ thanh toán là hợp đồng, biên bản nghiệm thu sản phẩm dịch vụ và chứng từ hợp lệ; sản phẩm thuộc quyền quản

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	kiệm năng lượng; đo đếm, xác nhận kết quả tiết kiệm năng lượng; đào tạo, nâng cao năng lực và các dịch vụ kỹ thuật khác theo nhiệm vụ của Quỹ. Hỗ trợ kỹ thuật được thực hiện theo một trong hai phương thức: a) Quỹ mua, thuê dịch vụ kỹ thuật của tổ chức chuyên môn, tổ chức dịch vụ năng lượng theo quy định của pháp luật về đấu thầu để cung cấp cho đối tượng thụ hưởng; Quỹ thanh toán theo hợp đồng và kết quả nghiệm thu, không áp dụng mức trần quy định tại khoản 4 Điều 28 Quyết định này; b) Quỹ hỗ trợ một phần chi phí dịch vụ kỹ thuật mà đối tượng thụ hưởng trực tiếp thuê; mức hỗ trợ không vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) chi phí hợp lệ của dịch vụ và không vượt quá mức trần tuyệt đối do Hội đồng quản lý Quỹ quy định. 2. Hỗ trợ chuyển đổi thị trường là việc Quỹ chi cho các chương trình, nhiệm vụ nhằm thúc đẩy thị trường sản phẩm, thiết bị, dịch vụ tiết kiệm năng lượng, gồm: dán nhãn và quản lý hiệu suất năng lượng phương tiện, thiết bị; truyền thông, phổ biến kiến thức; xây dựng cơ sở dữ liệu, công cụ đánh giá; thí điểm mô hình kinh doanh tiết kiệm năng lượng và các nhiệm vụ tương tự. Hỗ trợ chuyển đổi thị trường được chi theo chương trình, nhiệm vụ được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, trên cơ sở dự toán chi tiết và kết quả đầu ra xác định; không áp dụng mức trần quy định tại khoản 4 Điều 28 Quyết định này. Việc lựa chọn đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. 3. Căn cứ thanh toán là hợp đồng, dự toán được duyệt, biên bản nghiệm thu sản phẩm, kết quả đầu ra và chứng từ chi phí hợp lệ. Sản phẩm của dịch vụ, chương trình do Quỹ chi trả được Quỹ quản lý, sử dụng và công bố theo quy định.	lý của Quỹ nên không có "phần đối ứng" của đối tượng thụ hưởng. Ví dụ: Quỹ thuê tổ chức kiểm toán năng lượng thực hiện kiểm toán cho một nhóm doanh nghiệp và công bố kết quả. - Hỗ trợ kỹ thuật theo phương thức hỗ trợ một phần chi phí dịch vụ do đối tượng thụ hưởng thuê (điểm b khoản 1 Điều 29): áp dụng trần riêng 50% chi phí hợp lệ, cao hơn trần tài trợ do dịch vụ kỹ thuật thường có chi phí nhỏ và mang tính tạo lập thị trường. - Hỗ trợ chuyển đổi thị trường (Điều 29): là việc chi theo chương trình, nhiệm vụ với dự toán được duyệt và kết quả đầu ra; căn cứ thanh toán là hợp đồng, dự toán, biên bản nghiệm thu kết quả đầu ra. Ví dụ: chương trình dán nhãn năng lượng, xây dựng cơ sở dữ liệu hiệu suất thiết bị - là nhiệm vụ công, không có đối tượng thụ hưởng riêng để yêu cầu đối ứng 70%.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	4. Nguồn kinh phí được bảo đảm từ nguồn 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 và các nguồn quy định tại khoản 6 Điều 21 Quyết định này. Các quy định về đình chỉ, thu hồi thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 28 Quyết định này. Đơn vị thực hiện có trách nhiệm báo cáo kết quả đầu ra và cung cấp dữ liệu phục vụ giám sát theo quy định tại Điều 42 Quyết định này.	
	Điều 30. Đầu tư theo mục tiêu chính sách 1. Đầu tư theo mục tiêu chính sách là việc Quỹ trực tiếp đầu tư nhằm hình thành, thúc đẩy mô hình cung cấp dịch vụ tiết kiệm năng lượng mà thị trường chưa đáp ứng. 2. Nghiệp vụ quy định tại Điều này chỉ được triển khai sau khi đáp ứng đồng thời các điều kiện: Quỹ đã được cấp đủ vốn điều lệ; Bộ Công Thương ban hành đề án đầu tư theo mục tiêu chính sách sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, trong đó xác định hình thức và đối tượng đầu tư được phép, thẩm quyền quyết định đầu tư, phương pháp định giá, cơ chế quản lý và thoái vốn, quản lý rủi ro, xử lý tổn thất và kiểm soát xung đột lợi ích; Quỹ có bộ máy và quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu quản lý khoản đầu tư, được Hội đồng quản lý Quỹ xác nhận. 3. Nguồn vốn thực hiện đầu tư theo mục tiêu chính sách là nguồn 10% vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 và các nguồn quy định tại khoản 6 Điều 21 Quyết định này. Không sử dụng vốn huy động; không sử dụng vốn nhận ủy thác, trừ trường hợp hợp đồng nhận ủy thác quy định. 4. Giá trị đầu tư vào một đối tượng không vượt quá 3% vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ.	Đầu tư theo mục tiêu chính sách Về nghiệp vụ đầu tư theo mục tiêu chính sách: chỉ được triển khai sau khi Quỹ được cấp đủ vốn điều lệ và Bộ Công Thương ban hành đề án riêng (sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính) xác định hình thức, đối tượng, giới hạn, thẩm quyền và biện pháp kiểm soát rủi ro; thẩm quyền ban hành đề án này thuộc Bộ Công Thương, không phải trình Thủ tướng Chính phủ.
	Điều 36. Rủi ro hoạt động, xung đột lợi ích và phân cấp tham số tài chính	

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	1. Quỹ ban hành quy trình kiểm soát nội bộ đối với các nghiệp vụ tài chính, bảo đảm phân tách chức năng giữa đề xuất, thẩm định, phê duyệt và kiểm soát sau. Thành viên Hội đồng quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ, người làm việc tại Quỹ và người có liên quan phải kê khai lợi ích liên quan đối với tổ chức tín dụng tham gia, tổ chức chuyên môn, đơn vị thực hiện và đối tượng được hỗ trợ; không tham gia thẩm định, quyết định đối với trường hợp có lợi ích liên quan. 2. Trường hợp tổ chức tín dụng tham gia hoặc tổ chức chuyên môn vừa thực hiện nghiệp vụ cho Quỹ vừa có quan hệ thương mại với đối tượng được hỗ trợ, hợp đồng phải yêu cầu công khai quan hệ đó và Quỹ áp dụng biện pháp kiểm soát độc lập. Quỹ không giao đồng thời cho một tổ chức vừa thực hiện xác nhận kỹ thuật vừa là đối tượng thụ hưởng hoặc nhà cung cấp dịch vụ của chính hoạt động được xác nhận. Tổ chức tín dụng tham gia không được sử dụng vốn vay bán buôn của Quỹ để cho vay lại người có liên quan của chính tổ chức tín dụng đó, trừ trường hợp được Quỹ chấp thuận bằng văn bản. 3. Các tham số do Thủ tướng Chính phủ quyết định tại Quyết định này, chỉ được điều chỉnh khi sửa đổi Quyết định này, gồm: giới hạn sử dụng vốn điều lệ tại khoản 2 Điều 21; giới hạn huy động vốn tại khoản 5 Điều 23; mức trần lãi suất cho vay ưu đãi tại điểm b khoản 3 Điều 26; các giới hạn tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 5 Điều 26; mức, thời gian và trần hỗ trợ lãi suất tại khoản 4 Điều 27; mức trần tài trợ tại khoản 4 Điều 28; giới hạn đầu tư tại khoản 4 Điều 30; tổng mức rủi ro chấp nhận được tại khoản 2 Điều 33; mức phân cấp thẩm quyền xử lý rủi ro tại khoản 3 Điều 35; thời hạn sử dụng nguồn tài trợ quốc tế cho chi phí vận hành tại khoản 3 Điều 38; tỷ lệ phân phối chênh lệch thu chi tại khoản 2 Điều 39. 4. Các nội dung do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, gồm: hạn mức sử dụng nguồn 10% vốn	3. Các tham số tài chính do Thủ tướng Chính phủ quyết định tại Quyết định này, chỉ được điều chỉnh khi sửa đổi Quyết định này, gồm: - Giới hạn sử dụng vốn điều lệ tại khoản 2 Điều 21; - Giới hạn huy động vốn tại khoản 5 Điều 23; - Mức trần lãi suất cho vay ưu đãi tại điểm b khoản 3 Điều 26; - Các giới hạn tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 5 Điều 26; - Mức, thời gian và trần hỗ trợ lãi suất tại khoản 4 Điều 27; - Mức trần tài trợ tại khoản 4 Điều 28; - Giới hạn đầu tư tại khoản 4 Điều 30; - Tổng mức rủi ro chấp nhận được tại khoản 2 Điều 33; - Mức phân cấp thẩm quyền xử lý rủi ro tại khoản 3 Điều 35;

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	điều lệ hằng năm và phân bổ cho từng nghiệp vụ; tiêu chí lựa chọn tổ chức tín dụng tham gia; danh mục dự án; tiêu chí kỹ thuật về tiết kiệm năng lượng; quy chế xử lý rủi ro. 5. Các tham số do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trong khung quy định tại Quyết định này, gồm: lãi suất cho vay bán buôn; mức chênh lệch tối đa giữa lãi suất cho vay lại và lãi suất cho vay bán buôn; khung phí dịch vụ ủy thác; hạn mức sử dụng vốn theo từng nghiệp vụ và hạn mức nghĩa vụ cam kết nhiều năm; mức trần tuyệt đối đối với từng nhóm hoạt động tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật; tiêu chí an toàn của ngân hàng nhận tiền gửi; ngưỡng cảnh báo cụ thể trong khung quản trị rủi ro. Việc điều chỉnh các tham số này phải được thuyết minh trong kế hoạch tài chính năm và báo cáo Bộ Công Thương.	- Thời hạn sử dụng nguồn tài trợ quốc tế cho chi phí vận hành tại khoản 3 Điều 38; - Tỷ lệ phân phối chênh lệch thu chi tại khoản 2 Điều 39.
	Điều 38. Kinh phí chi quản lý bộ máy và chi phí vận hành 1. Kinh phí chi quản lý bộ máy của Quỹ quy định từ Điều 10 đến Điều 18 Quyết định này gồm: tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương đối với người làm việc theo chế độ chuyên trách; phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản lý, thành viên Ban Kiểm soát và người làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; chi hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành, chi hành chính, công tác phí, hội nghị, mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác quản lý; các khoản chi khác theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. 2. Các khoản chi quy định tại khoản 1 Điều này không hạch toán vào chi phí nghiệp vụ của Quỹ. Quỹ không sử dụng nguồn thu nghiệp vụ, nguồn 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ hoặc nguồn tài trợ, viện trợ để chi trùng lặp các nội dung đã được ngân sách nhà nước bảo đảm. 3. Nguồn bảo đảm chi phí vận hành và chi phí nhân sự chuyên trách: trong 05 năm đầu kể từ ngày Quỹ chính thức đi vào hoạt động, ngoài	Kinh phí chi quản lý bộ máy và chi phí vận hành 3. Dự báo trong 05 năm đầu kể từ ngày Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ đi vào hoạt động, do nguồn thu của Quỹ chưa phát sinh, Quỹ sẽ gặp

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	kinh phí ngân sách nhà nước bố trí trong chi thường xuyên của Bộ Công Thương, Quỹ được sử dụng nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế có mục tiêu hỗ trợ thành lập, xây dựng năng lực và vận hành Quỹ để chi hỗ trợ chi phí vận hành và chi phí nhân sự chuyên trách, theo thỏa thuận với nhà tài trợ. 4. Nguồn tài trợ, viện trợ quy định tại khoản 3 Điều này được tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 22, được theo dõi, hạch toán riêng, không ghi nhận vào doanh thu của Quỹ; kế hoạch sử dụng được xác định trong kế hoạch tài chính năm và quyết toán riêng theo thỏa thuận với nhà tài trợ.	nhiều khó khăn, không có nguồn thu để đảm bảo cho hoạt động. Vì vậy Bộ Công Thương đề nghị TTCP cho phép NSNN đảm bảo nguồn chi phí vận hành và chi phí nhân sự chuyên trách: NSNN bảo đảm chi phí trong 05 (năm) năm đầu kể từ ngày Quỹ đi vào hoạt động. Ngoài ra, cho phép Quỹ được sử dụng nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế có mục tiêu hỗ trợ thành lập, xây dựng năng lực và vận hành Quỹ để chi hỗ trợ chi phí vận hành và chi phí nhân sự chuyên trách, theo thỏa thuận với nhà tài trợ.
	Điều 43. Trách nhiệm của Bộ Công Thương Bộ Công Thương là cơ quan quản lý trực tiếp về hoạt động của Quỹ, có trách nhiệm: 1. Trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này; 2. Ban hành danh mục các dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tiêu chí lựa chọn tổ chức tín dụng tham gia, cơ chế ủy thác, sổ tay vận hành của Quỹ; quy chế xử lý rủi ro; tiêu chí kỹ thuật, phương pháp đo đếm, xác nhận và bộ chỉ tiêu kết quả sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; quy trình, thủ tục, thẩm quyền lựa chọn tổ chức tín dụng tham gia và các quy chế nội bộ khác phù hợp với Quyết định này và quy định pháp luật hiện hành, sau khi thống nhất với Bộ Tài chính đối với nội dung thuộc lĩnh vực tài chính; 3. Quyết định thành lập Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự lãnh đạo, quản lý Quỹ theo thẩm quyền; 4. Chỉ đạo, hướng dẫn Quỹ hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế (Ngân hàng Thế giới, Liên minh châu Âu, Quỹ Môi trường toàn cầu,	Trách nhiệm của các Bộ Để Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ đi vào hoạt động, Bộ Công Thương đề nghị TTCP giao: - Bộ Tài chính bố trí nguồn lực cấp vốn điều lệ và kinh phí chi quản lý bộ máy cho Quỹ theo lộ trình đã nêu; - Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cử cán bộ cấp Vụ, Cục tham gia Hội đồng quản lý Quỹ và phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo trách nhiệm quy định.

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Cơ quan Hợp tác phát triển Đan Mạch...), tiếp nhận các khoản tài trợ, hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; 5. Phê duyệt kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ theo quy định tại Điều 40 Quyết định này; chủ trì thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành cơ chế quản lý tài chính; phê duyệt báo cáo quyết toán tài chính hằng năm của Quỹ; 6. Làm đầu mối giải quyết những vấn đề chung và những vấn đề liên ngành của Quỹ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, phê duyệt. Điều 44. Trách nhiệm của Bộ Tài chính 1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động của Quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách. 2. Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều 41 Quyết định này và quy định của pháp luật về kế toán, quản lý tài chính đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hướng dẫn việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Điều 34 Quyết định này. 3. Cho ý kiến đối với kế hoạch tài chính năm của Quỹ; phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra, giám sát tài chính đối với Quỹ. 4. Bố trí nguồn lực cấp vốn điều lệ và kinh phí chi quản lý bộ máy cho Quỹ theo quy định tại Điều 20 và Điều 38 Quyết định này. Điều 45. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành, tổ chức liên quan 1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ủy thác để các tổ chức tín dụng thực hiện, bao gồm hướng dẫn việc phân loại nợ và trích lập dự phòng	

TT	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	rủi ro quy định tại Điều 34 Quyết định này; cung cấp thông tin phục vụ việc đánh giá tiêu chí an toàn của ngân hàng thương mại nhận tiền gửi, tổ chức tín dụng tham gia. 2. Các Bộ, ngành khác có liên quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao. 3. Các tổ chức tín dụng tham gia, tổ chức chuyên môn, đơn vị thực hiện và đối tượng thụ hưởng sử dụng vốn, kinh phí đúng mục đích, đối tượng, điều kiện theo hợp đồng; thực hiện chế độ báo cáo quy định tại khoản 4 Điều 41 Quyết định này và chịu sự kiểm tra của Quỹ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	